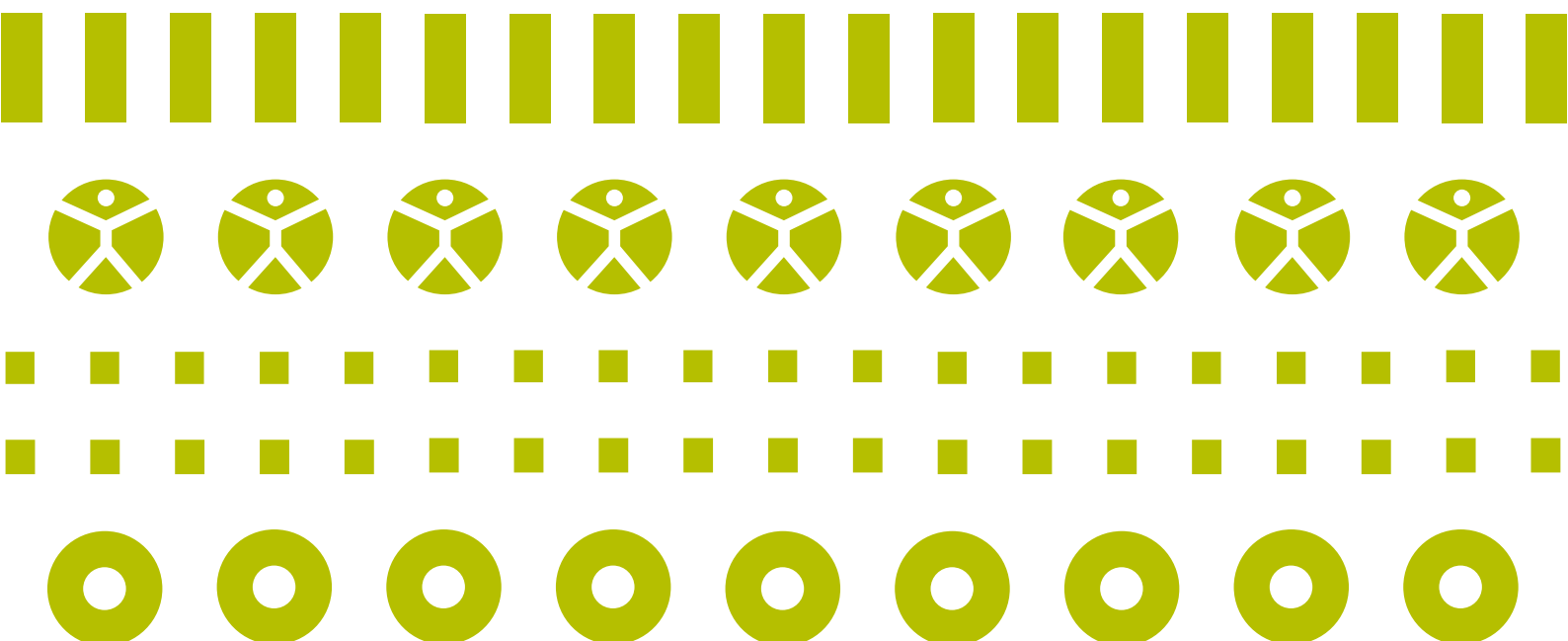


Bài học kinh nghiệm từ một PGS – Nghiên cứu số 2

Khi PGS gặp trở ngại: bài học để
PGS tại Việt Nam cải thiện



Khi PGS gặp trở ngại: bài học để PGS tại Việt Nam cải thiện

Hệ thống cùng tham gia đảm bảo chất lượng (Participatory Guarantee System – PGS) là một cơ chế đảm bảo chất lượng với chi phí thấp, giúp bảo đảm chất lượng nông sản và có thể khôi phục lại lòng tin của người tiêu dùng. Hệ thống đã được triển khai tại 66 quốc gia trên thế giới và đã được áp dụng tại Việt Nam hơn 10 năm qua. Trong khuôn khổ dự án “**Đúc rút kinh nghiệm về Hệ thống đảm bảo chất lượng có sự tham gia để nhân rộng và thể chế hóa**”, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) và Rikolto đã nghiên cứu các hệ thống PGS đang hoạt động ở Việt Nam nhằm đánh giá những điểm mạnh, yếu và đưa ra các khuyến nghị cải thiện hệ thống này trong bối cảnh nước ta.

Quá trình vận hành PGS ở Việt Nam sau 10 năm đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, nghiên cứu tình huống này không nhằm mục đích đi sâu vào các thành công đó mà sẽ đề cập đến những thách thức ngăn cản PGS hoạt động hiệu quả và hướng giải quyết. Thất bại là mẹ thành công. Chúng ta cần phân tích lý do vì sao PGS vấp phải nhiều khó khăn trong quá khứ để rút ra bài học và thúc đẩy thành công trong tương lai. Nghiên cứu tình huống dưới đây sẽ nhìn vào một hệ thống PGS cụ thể cùng với những khó khăn mà hệ thống đó đã gặp phải trong khi duy trì tính bền vững và hiệu quả.

Do tính nhạy cảm của nội dung dưới đây, hệ thống PGS xuất hiện trong nghiên cứu này sẽ được ẩn danh. Tuy nhiên, để đảm bảo sự minh bạch, chúng tôi có thể chia sẻ riêng các thông tin khác theo yêu cầu.



PGS LÀ GÌ?

IFOAM – Liên đoàn các phong trào hữu cơ quốc tế định nghĩa PGS là “một hệ thống đảm bảo chất lượng với chi phí thấp tại địa phương, lấy kiểm soát xã hội và xây dựng kiến thức làm trung tâm”. Đơn giản mà hiệu quả, hệ thống chứng nhận này có sự tham gia của nhiều bên liên quan như nông dân, người tiêu dùng, nhà bán lẻ, tổ chức phi chính phủ và chính quyền địa phương vào việc đảm bảo chất lượng nông sản. PGS không tốn kém hay phức tạp như chứng nhận bên thứ ba, do đó phù hợp hơn với thực tế nông hộ nhỏ. Các nguyên tắc và quy định trong sản xuất an toàn hay hữu cơ được xây dựng và triển khai với sự đóng góp của các bên liên quan. Những nguyên tắc và quy định đó được áp dụng linh hoạt theo bối cảnh, có cân nhắc yếu tố cộng đồng đơn lẻ, khu vực địa lý, môi trường văn hóa và thị trường.



Bối cảnh

Nhóm nghiên cứu thăm vùng sản xuất

An toàn thực phẩm tiếp tục là một thách thức lớn ở Việt Nam khi dư lượng hóa chất trong nông sản thường vượt quá ngưỡng khuyến cáo. Thực trạng này gần đây khiến người tiêu dùng lo ngại về độ an toàn của những thực phẩm họ tiêu dùng. Cụ thể, rau củ là tâm điểm của sự quan ngại, đặc biệt tại các thành phố. Nhằm giải quyết vấn đề này, chính phủ Việt Nam đã thúc đẩy VietGAP, một hệ thống chứng nhận bởi bên thứ ba được xây dựng dựa trên GlobalGAP và EurepGAP. Mặc dù là một bộ tiêu chuẩn chất lượng cao và toàn diện, trên thực tế, VietGAP không dễ đi vào đời sống nông hộ nhỏ do chi phí cao và tính phức tạp. Hệ thống đảm bảo chất lượng có sự tham gia – PGS là một giải pháp thay thế đáng tin cậy cho chứng nhận bên thứ ba. Phương pháp luận này được xây dựng bởi IFOAM (International Federation of Organic Agriculture Movements) và được giới

thiệu tại Việt Nam năm 2008 bởi ADDA, một tổ chức phi chính phủ Đan Mạch nhằm hỗ trợ nông hộ nhỏ sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Năm 2013, nhận thấy nhu cầu tiêu dùng rau an toàn gia tăng, Rikolto đã áp dụng phương pháp luận này cùng với bộ tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt Cơ bản – BasicGAP.

Hệ thống PGS Hữu cơ được nhắc đến trong nghiên cứu này ra đời năm 2011 và nhận được hỗ trợ của nhiều tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế qua các năm. Hệ thống được áp dụng tại một tỉnh miền núi cách Hà Nội 100 km. Phần lớn nông dân trong PGS Hữu cơ là người dân tộc thiểu số, lấy nông nghiệp làm sinh kế chính. 7 năm sau khi PGS có mặt tại xã, hệ thống không có gì tiến triển, không còn đủ khả năng hỗ trợ và chứng nhận cho nông dân trong hệ thống.

Thách thức

Có nhiều nguyên nhân lý giải cho hoạt động yếu kém của Hệ thống này.

Thứ nhất, **địa hình đồi núi** khiến diện tích canh tác bị chia cắt và hiệu quả thấp. Do phải nỗ lực nhiều hơn để canh tác trên những vùng đất như vậy, quy mô sản xuất vẫn manh mún và không tạo ra nhiều giá trị thặng dư.

Thứ hai, hầu hết nông dân có **nhận thức và/hoặc kiến thức hạn chế** về kỹ thuật sản xuất rau hữu cơ trước khi tham gia dự án PGS. Trước khi dự án bắt đầu, nông dân trong cộng đồng thường sử dụng hóa chất với liều lượng lớn. Tham gia PGS buộc họ phải thay đổi nhận thức và hành vi, đặc biệt là trong sản xuất hữu cơ. Mặc dù được tập huấn bởi các tổ chức phi chính phủ, kỹ năng canh tác hữu cơ của họ vẫn rất hạn chế. Kết quả là, số lượng và chất lượng rau sản xuất ra không ổn định và không đáp ứng được yêu cầu của người mua.

Thứ ba, **liên kết với thị trường rau an toàn và hữu cơ** của nông dân còn yếu. Thị trường rau an toàn và hữu cơ tại địa phương không lớn và mức giá bán ra không cao như ở Hà Nội. PGS không được người tiêu dùng trong khu vực biết đến do **thiếu các hoạt động quảng bá**. Họ do dự khi phải trả giá cao hơn cho rau PGS vì không có đủ thông tin và rau chưa có thương hiệu. Nông dân chỉ bán được một lượng nhỏ ra Hà Nội vì khoảng cách xa và kỹ thuật lưu trữ, **xử lý sau thu hoạch không đáp ứng yêu cầu**. Điều này khiến rau thường bị dập nát trước khi đến được thủ đô và người mua không mua rau của họ. Hơn nữa, nông dân không có kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường, dẫn đến sự vênh giữa cung và cầu.

Thứ tư, nông dân PGS **phụ thuộc rất nhiều vào hỗ trợ bên ngoài từ các tổ chức phi chính phủ** và bao cấp. Tiến độ vận hành hệ thống dựa vào sự thúc đẩy và hành động của các tổ chức phi chính phủ là chính trong bối cảnh hoạt động của nông dân còn hạn chế. Thêm vào đó, **khoảng cách địa lý** giữa nông dân và Ban điều phối địa phương của PGS ở Hà Nội đã dẫn đến sự giám sát lỏng lẻo và hỗ trợ kỹ thuật không sát sao. Do đó, nông dân thường phải tự mình xoay sở.

Thứ năm, **hỗ trợ của chính quyền** địa phương ở cả cấp huyện và cấp tỉnh cho PGS vẫn hạn chế. Các kết quả khác nhau từ PGS không khuyến khích chính quyền đầu tư thời gian và nỗ lực để phát triển PGS bắt chước sự hào hứng ban đầu của chính quyền xã. Mở rộng đầu tư trong việc thúc đẩy hệ thống đến với người tiêu dùng, người mua và nông dân đã có thể giúp tạo động lực và niềm tin vào sản phẩm của người nông dân.



Sau khi được tập huấn và tham gia sản xuất rau PGS, nông dân đã hiểu rõ hơn về PGS và sản xuất hữu cơ. Chẳng nào có thị trường ổn định, chẳng đó họ muốn tham gia PGS. Tuy nhiên, việc tìm kiếm thị trường vẫn rất khó khăn với người nông dân.

Phó chủ tịch hội nông dân địa phương

Khuyến nghị

Dựa vào các quan sát trên, một số khuyến nghị có thể được đưa ra để tránh những khó khăn gặp phải như trong hệ thống PGS này và giảm nhẹ mức độ trong các hệ thống PGS khác:

- 1 Một **thị trường rõ ràng** cho rau PGS phải được xác định ngay từ giai đoạn mở đầu hệ thống. Doanh số được duy trì là yếu tố quyết định và tạo động lực lớn cho người nông dân.
- 2 PGS nên được áp dụng với một **nhóm nhỏ nông dân có động lực**. Mặc dù có triển vọng mang lại giá cao, áp dụng kỹ thuật sản xuất an toàn và hữu cơ lại đòi hỏi **hiều công lao động** và có thể khiến nông dân không thiết tha với việc theo đuổi canh tác an toàn hay hữu cơ. Làm việc với một nhóm nông dân nhỏ nhưng chất lượng sẽ hiệu quả hơn với nhóm lớn nhưng không có tính cam kết.
- 3 Một **chương trình tập huấn** toàn diện hướng đến nâng cao năng lực sản xuất hữu cơ/an toàn, xử lý và lưu trữ sau thu hoạch, kỹ năng kinh doanh, lập kế hoạch sản xuất và năng lực tổ chức của nông dân cần song hành với quá trình phát triển PGS. Chương trình này nên sử dụng các phương pháp tập huấn lấy người học làm trung tâm như Lớp học hiện trường (FFS), đưa nông dân trở thành trung tâm trong quá trình học tập.
- 4 Nông dân giỏi với tiềm năng lãnh đạo nên được **tập huấn để trở thành giảng viên** nhằm tiếp tục quá trình xây dựng năng lực khi chương trình hỗ trợ bên ngoài kết thúc.
- 5 Theo triết lý của PGS, nông dân và cộng đồng địa phương phải ở vị trí dẫn đầu. **Vai trò và trách nhiệm** liên quan đến vận hành PGS phải được xác định và phân công rõ ràng giữa các thành viên. Những vai trò cụ thể cần được giao cho các vị trí liên quan đến lập kế hoạch sản xuất, marketing, truy xuất nguồn gốc và quản lý thông tin.
- 6 PGS nên được **quảng bá** rộng rãi trong địa phương để thúc đẩy sự hỗ trợ và niềm tin vào rau PGS. **Thông tin sản phẩm** cần được in sẵn trên bao bì và nêu rõ nguồn gốc.
- 7 Hệ thống PGS này được đặt tại khu vực có cảnh quan đẹp và hệ sinh thái đa dạng. Canh tác hữu cơ có thể song hành cùng các hoạt động **du lịch nông nghiệp** để tạo thêm nguồn thu cho nông dân.
- 8 **Hỗ trợ từ chính quyền địa phương** là nhân tố chìa khóa quyết định thành công của một hệ thống PGS bền vững. Lồng ghép PGS vào chính sách và thực hành tại địa phương sẽ giúp duy trì việc hỗ trợ các thành viên PGS sau khi nguồn lực bên ngoài không còn và góp phần thúc đẩy niềm tin của người tiêu dùng vào rau PGS.

Sản xuất bởi



Được tài trợ bởi Liên minh nghiên cứu sinh thái nông nghiệp Đông Nam Á (Agroecology Learning Alliance for Southeast Asia)



Lời cảm ơn

Rikolto và VNUA chân thành cảm ơn tất cả những nông dân, người tiêu dùng, đại diện các công ty, chính quyền địa phương và tổ chức phi chính phủ đã tham gia vào nghiên cứu PGS này. Cái nhìn của họ giúp chúng tôi có thêm nhiều kiến thức và cải thiện đáng kể những hiểu biết về thực trạng PGS tại Việt Nam.

VỀ RIKOLTO

Rikolto là một tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGO) với hơn 40 năm kinh nghiệm làm việc với các tổ chức nông dân và tác nhân trong chuỗi thực phẩm ở châu Phi, châu Á, châu Âu và Mỹ La-tinh. VECO mưu cầu một thế giới với hệ thống sản xuất và tiêu dùng giúp xóa đói giảm nghèo mà không tạo thêm gánh nặng cho hành tinh. Có mặt ở Việt Nam từ năm 1994, chúng tôi hoạt động tại 15 quốc gia nhằm thúc đẩy hệ thống thực phẩm bền vững và bao trùm hơn. Rikolto xây dựng cầu nối niềm tin và thương mại giữa ngành công nghiệp thực phẩm, chính phủ viện nghiên cứu và tổ chức nông dân thông qua việc trả lời câu hỏi: 'Thực phẩm nào cho tương lai?'

VỀ VNUA

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) được thành lập năm 1956 và là một trong những đại học quốc gia hàng đầu của Việt Nam. VNUA là một học viện nghiên cứu đa ngành về phát triển nông nghiệp và nông thôn, là một cơ quan tham mưu đáng tin cậy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng như các cơ quan nhà nước khác trên toàn quốc. Học viện đã đào tạo khoảng 38.000 sinh viên, có 14 khoa và 5 viện nghiên cứu. Nghiên cứu này được thực hiện bởi cán bộ khoa Khoa học và công nghệ thực phẩm.



Thông tin chi tiết

Trang dự án Hệ thống đảm bảo chất lượng có sự tham gia cho rau an toàn của Rikolto: <https://vietnam.rikolto.org/vi/project/he-thong-dam-bao-chat-luong-co-su-tham-gia-cho-rau-toan-o-viet-nam>

Website của PGS Việt Nam (rau hữu cơ): <http://vietnamorganic.vn/pgs>

ALiSEA – diễn đàn khu vực cho những sáng kiến thúc đẩy sinh thái nông nghiệp ở Đông Nam Á:
<http://www.ali-sea.org>

Chịu trách nhiệm nội dung: Hoàng Thanh Hải (Rikolto)
Biên tập: Trần Thị Định (VNUA), Charlotte Flechet (Rikolto)
©7/2018

Liên hệ

Rikolto tại Vietnam
Số 4, chung cư 249A
Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

vietnam@rikolto.org
www.rikolto.org/vietnam
www.facebook.com/RikoltoVN

